TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: **212**/2020/HSST
Ngày: 29/10/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Cao Biền

Ông Trịnh Văn Trồi

-***Thư ký phiên tòa :*** Bà Đinh Thị Hường – Thư ký Tòa án

-***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa***: Bà Ông Nguyễn Tiến Đại – Kiểm sát viên

Ngày 29/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 119/2020/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2020/QĐXXST-HS ngày 04/6/2020 và các Quyết định hoãn phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Lê Anh T, sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Lê Văn L và bà Hoàng Thị T; Vợ là Bùi Thị L (bị cáo cùng vụ) và có 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh tháng 1/2020); Tiền án, tiền sự: Chưa; Đầu thú ngày 19/9/2019; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2019 đến ngày 22/01/2020; Thay đổi biện pháp ngăn chặn từ ngày 22/01/2020, hiện bị cáo đang tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thị L, sinh năm 1993; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Bùi Văn Th và bà Trịnh Thị N; Chồng là Lê Anh T và 02 con (con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh tháng 1/2020); Tiền án, tiền sự:

Chưa; Đầu thú ngày 20/9/2019; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/11/2019, hiện đang tại ngoại; tạm giữ, tạm giam: không. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn L, sinh năm 1995; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Kh, xã Th, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Mường; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Bùi Văn Th và bà Trịnh Thị N; Vợ là Tôn MinhThư và có 01 con (sinh tháng 2/2020); Tiền án, tiền sự: Chưa; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 08/5/2020, hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Chị Đặng Thị H, sinh năm 1994; Trú tại: thôn Đ, xã S, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Đ (nay là Công ty TNHH Đ) gọi chung là Công ty, được thành lập từ 16/4/2019 (có giấy phép đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nức có thẩm quyền cấp) do Bùi Thị L làm Giám đốc, có trụ sở làm việc tại CT5 T, quận L, thành phố Hà Nội, kinh doanh thực phẩm chức năng. Quá trình kinh doanh, Lê Anh T (là chồng của Bùi Thị L) và Bùi Văn L (là em trai ruột của Bùi Thị L) cùng hỗ trợ giúp L trong việc kinh doanh của Công ty. Từ ngày 01/6/2019, Bùi Thị L tuyển chị Đặng Thị H làm nhân viên tư vấn bán hàng cho Công ty. Trong thời gian làm việc tại Công ty, chị H biết được số điện thoại và địa chỉ của những người cung cấp thuốc nam cho Công ty, cũng như số điện thoại và địa chỉ của khách mua hàng của Công ty.Trong thời gian làm việc tại Công ty, chị H đã tự bỏ tiền đi lấy thuốc tại các địa chỉ đã cung cấp cho Công ty và bán lại cho khách hàng của Công ty. Đến ngày 22/8/2019, T phát hiện chị H bán hàng riêng cho khách hàng của Công ty nên đã cho H nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc, chị H vẫn tiếp tục trực tiếp đi lấy hàng và bán lại cho khách hàng của Công ty. Quá trình tiếp nhận thông tin khách hàng, T và L biết chị H vẫn tiếp tục bán hàng cho khách hàng của Công ty.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/9/2019, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, sơn màu nâu vàng, BKS 30F-006.28 (đăng ký tên chủ sở hữu hộ kinh doanh Bùi Thị L) chở L, Văn L từ Công ty đến khu trọ của chị H ở ngõ L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội với mục đích tìm gặp chị H nhằm làm rõ việc chị Hoà bán hàng tranh giành khách với Công ty và yêu cầu chị H phải trả lại số tiền thu lợi. Khi đi T bảo Văn L đi cùng. Văn L biết việc T và L đi tìm H để làm rõ việc bán hàng tranh giành khách của Công ty, nên Văn L đồng ý cùng đi. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày 19/9/2019, chị H từ trong phòng trọ đi ra đầu ngõ L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội để gặp chị Vũ Thị Thanh Kim H (là em họ

của chị H). Lúc này, T, L và Văn L nhìn thấy chị H đi ra đầu ngõ. T và L xuống xe, L túm vai áo bên trái của chị H kéo chị H lên chiếc xe ôtô nhãn hiệu Toyota Vios, sơn màu nâu vàng, BKS 30F-006.28. Văn L ngồi ghế lái xe, T, L ngồi hai bên chị H ngồi giữa ở hàng ghế sau. Khi ngồi lên xe L chửi chị H. T vừa lên xe ô tô, do bực tức vì nghi chị Hoà chửi mình trên mạng xã hội, T đã dùng tay trái tát chị H 01 cái vào vùng mặt chị H và nói *"ai chửi tao hả H",* còn L lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu XiaoMi Redmi Note 3Pro của chị H đang để trong túi quần bên phải chị H đang mặc mục đích để kiểm tra việc bán hàng của chị H. T, L và Văn L đưa chị H về thẳng văn phòng của Công ty ở CT5 T, quận L, thành phố Hà Nội. Trên đường đi, T và L liên tục tra hỏi chị H về việc lấy thông tin khách hàng của công ty để bán hàng riêng cho mình, nhưng chị Hoà không thừa nhận. L mở điện thoại của chị H, bảo Văn L phát wifi từ điện thoại Iphone 6 của Văn L để L yêu cầu chị H đăng nhập vào tài khoản bán hàng trên mạng internet của chị H, kiểm tra lịch sử bán hàng cho khách và số tiền bán hàng của chị H.

Khi T, L và Văn L đưa chị H về đến văn phòng công ty. T đưa chị H vào phòng maketting của Công ty, Văn L cất xe, đi theo sau. L ở phòng ngoài để kiểm tra việc bán hàng của chị H bằng máy tính của công ty. Tại đây, có Nguyễn Văn H (là em họ của L) ở trong phòng makettinh, còn Nguyễn Thị H, Tôn Minh Th ở phòng ngoài đồng thời là nhân viên của Công ty đang ngồi làm việc. T và L yêu cầu chị H phải mở ứng dụng bán hàng riêng của chị H trên máy tính của Công ty để cho T và L dễ kiểm tra nhưng chị H nói chỉ lưu mật khẩu tự động trên máy điện thoại chứ không nhớ mật khẩu để đăng nhập phần mềm trên máy tính, thì T nói với chị H:*"hôm nay mày không giải quyết xong thì tao mới vả cho"*. Do không đăng nhập được phần mềm bán hàng của chị H trên máy tính của Công ty nên L tiếp tục kiểm tra, đối chiếu các thông tin khách hàng trên điện thoại của chị H thì thấy những khách hàng mà chị H bán và thu tiền về cho riêng chị H đều là khách hàng của Công ty. Qua kiểm tra phần mềm bán hàng của chị H trên điện thoại của chị H, L tính toán xác định tổng số tiền bán hàng của chị H là 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng). T tính toán, sau khi trừ tiền gốc cho chị H, T và L đã buộc chị H phải trả lại cho T và L số tiền **62.500.000 đồng** (sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) là số tiền lãi chị H thu được sau khi bán hàng của riêng mình. Chị H không đồng ý trả cho T và L, do tiền này hoàn toàn của chị H tự nhập hàng và bán hàng cho khách, thì T và L đã chửi chị H, ép chị H phải trả lại số tiền trên cho vợ chồng T và L. Do sợ bị đánh, chị H buộc phải đồng ý trả số tiền 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng cho vợ chồng T và L. Lúc này, T và L yêu cầu chị H trả ngay tiền mặt, nhưng H không có tiền mặt thì T và L yêu cầu chị H chuyển tiền qua tài khoản, nhưng chị H nói không đăng ký chuyển tiền trực tuyến nên không chuyển tiền ngay qua tài khoản theo yêu cầu của T và L. Sau đó,

L lấy bút mực đen, còn T lấy 01 (một) tờ giấy A4 màu trắng rồi đọc nội dung và bắt chị H phải viết "giấy xác nhận chuyển tiền" để trả tiền cho T và L số tiền 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) và phải trả ngay trong ngày 19/9/2019. Quá trình viết giấy xác nhận trả tiền, nhân lúc T và L không để ý, chị H đã viết số tiền là 62.500 (sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng, nhưng vợ chồng T và L không phát hiện ra. Sau khi chị H viết xong, T cầm giấy xác nhận trên, còn L yêu cầu chị H gọi người nhà mang chứng minh nhân dân của chị H đến để ép chị H phải ra ngân hàng rút tiền trả ngay cho T và L. Lúc này, Bùi Văn L chứng kiến việc T và L nói chuyện trao đổi và ép H viết "giấy xác nhận chuyển tiền" nhưng không có lời nói, hành động gì. Sau đó, chị H gọi điện thoại cho chị Vũ Thị Thanh Kim H (là em họ của H) nhờ mang chứng minh thư nhân dân của chị Hoà đến cho chị H ở khu vực trước cửa nhà thi đấu Hà Đông. Khi thấy chị H liên hệ được với người nhà thì L bảo Hưng cùng đi với T và bảo T đưa H về Hà Đông để rút tiền. T rủ Văn L cùng đi, Văn L đồng ý. Văn L điều khiển chiếc xe ô tô BKS 30F-006.28 chở T, H, Hưng. Trên đường đi, H ngồi ghế giữa phía sau, T và Hưng ngồi hai.

Sau khi sự việc xảy ra, chị Vũ Thị Thanh Kim H gọi điện thoại cho chị Đặng Thị Thanh Bình (là bạn cùng phòng với chị H) và kể lại toàn bộ sự việc chị H bị nhóm của T đưa lên xe ô tô. Sau đó, chị Bình đã trình báo sự việc nêu trên với Cơ quan Công an quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, khi Văn L điều khiển chiếc xe ôtô nhãn hiệu Toyota Vios, sơn màu nâu vàng, BKS 30F-006.28 chở T, H, Hưng đi đến khu vực Nhà thi đấu Hà Đông trên đường Quang Trung thuộc phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội thì bị lực lượng Công an quận Hà Đông kiểm tra hành chính đưa về trụ sở làm việc. Tại đây, T, Hưng và Văn L đã khai nhận hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: Thu của Lê Anh T 01(một) "giấy xác nhận chuyển tiền" được viết bằng mực màu đen, trên nền giấy A4 màu trắng.

Ngày 19, 20/9/2019, Lê Anh T và Bùi Thị L đã xin đầu thú và cùng Bùi Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 19/9/2019, Cơ quan CSĐT Công an quận Hà Đông đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp và tiến hành khám xét tại trụ sở Công ty TNHH Thương mại Đ (nay là Công ty TNHH Đ) ở Chung cư CT5A, phường Th, quận L, thành phố Hà Nội, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note3 Pro, số Imei: 862305030499099 (đã qua sử dụng) là chiếc điện thoại của chị Đặng Thị Hoà.

Quá trình điều tra, T và L đều khai nhận số tiền 72.000.000 đồng là tiền do H lợi dụng các mối quan hệ khách hàng trong thời gian làm việc tại công ty để tự liên

hệ bán hàng kiếm lời cho H. T và L cho rằng số tiền H có được là do bán hàng cho khách hàng của công ty, H đã gian lận nên đã ép buộc, yêu cầu H phải trả lại số tiền 62.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 124/2020/CT-VKS-HĐ ngày 29/5/2020 Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố các bị cáo Lê Anh T, Bùi Thị L, Bùi Văn L cùng về tội Cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, xin lỗi người bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đối với các bị cáo về tội Cưỡng đoạt tài sản. Sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử về hình phạt của các bị cáo như sau

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 30-36 tháng tù.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo L từ 27-30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54-60 tháng.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Văn L từ 24- 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48-54 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại 5.000.000 đồng. Bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xét.

Về xử lý vật chứng: Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 3 Pro cho chị Đặng Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hà Đông,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nêu trên đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Tại phiên tòa các bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Bùi Thị L là giám đốc Công ty TNHH Thương mại Đ nay là Công ty TNHH Đ, Lê Anh T (chồng bị cáo L), Bùi Văn L (em trai bị cáo L) làm tại Công ty cùng L. Do nghi ngờ chị Đặng Thị H (nhân viên tư vấn khách hàng của công ty đã nghỉ việc) lợi dụng các mối khách hàng của công ty trong thời gian chị H làm việc tại công ty, chị H đã tự liên hệ bán hàng cho khách nhằm mục đích kiếm tiền riêng cho mình.

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 19/9/2019 các bị cáo T, L đã cùng Văn L đi xe ô tô BKS 30F-006.28, nhãn hiệu Toyota Vios (giấy tờ xe đứng tên L) đến khu nhà trọ để tìm H. Mục đích để làm rõ việc chị H bán hàng gian lận lấy nguồn khách của công ty mà không được sự đồng ý của công ty và yêu cầu trả lại số tiền thu lợi cho công ty. Khi thấy chị H đi ra ngoài ngõ 38 Văn La, phường Phú La, quận Hà Đông, L, T xuống xe đi đến chỗ chị H. L túm vai áo bên trái chị H kéo lên xe ô tô. Chị H ngồi giữa, L và T ngồi hai bên, Văn L lái xe. Khi ngồi trên xe, L chửi H. T vừa lên xe do bực tức nghĩ chị H là người chửi T trên mạng fabook của T nên đã dùng tay tay trái tát 01 cái vào vùng mặt chị H và nói "ai chửi tao hả H". L lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu XiaoMi Redmi Note 3Pro của chị H đang để trong túi quần, mục đích để kiểm tra việc chị H bán hàng gian lận như thế nào. Bị cáo L mở điện thoại của chị H bảo Văn L bật wifi để L yêu cầu chị H kiểm tra lịch sử bán hàng và số tiền bán hàng trên điện thoại của chị H. Do chị H không thừa nhận và cũng không kiểm tra được hết trên điện thoại nên H, T, L bảo Văn L lái xe đưa chị H về trụ sở công ty tại phòng 303,CT5, Mễ Trì Thượng, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội để kiểm tra. Khi về đến văn phòng công ty T đưa chị H vào phòng maketting. T, L lại tiếp tục truy vấn, bắt chị H mở mật khẩu bán hàng để kiểm tra. T nói "hôm nay mày không giải quyết xong thì tao mới vả cho". Sau khi kiểm tra thì thấy khách hàng mà chị H bán hàng đều là nguồn khách hàng của công ty, số tiền chị H bán được là 72.000.000 đồng. Sau khi trừ đi tiền gốc của chị H thì T và L bắt chị H phải trả số tiền lãi là 62.500.000 đồng cho công ty. Do chị H không có tiền để trả ngay nên T, L bắt chị H viết giấy xác nhận chuyển tiền 62.500.000 đồng, trong

lúc T, L không để ý chị H đã ghi nhận nợ 62.500 đồng. Sau đó, T đưa chị H về Nhà thi đấu N, quận Đ lấy chứng minh thư của chị H để ra ngân hàng rút tiền. Khi đi có Hưng, Văn L lái xe đi cùng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi Văn L đang điều khiển chiếc xe ô tô nhãn hiệu Totota Vios, BKS 30F-006.28 đi đến khu vực Nhà thi đấu Ngô Thì Nhậm trên đường Quang Trung thì bị lực lượng Công an quận Hà Đông kiểm tra hành chính, phát hiện.

Như vậy, mục đích T, L, Văn L đi tìm chị H để làm rõ việc chị H bán hàng gian lận lấy nguồn khách của công ty để bán hàng kiếm tiền riêng, yêu cầu chị H trả lại tiền còn cụ thể chị H gian lận như thế nào, bán được bao nhiêu tiền thì T, L cũng chưa biết. T, L có hành vi chửi uy hiếp về mặt tinh thần khiến chị H sợ hãi, ép buộc chị H viết giấy xác nhận chuyển tiền 62.500.000 đồng để trả cho T, L. T tát 01 cái vào mặt chị H do bực tức vì nghĩ chị H là người chửi T trên mạng xã hội làm chị H sợ. Điều này chị H cũng thừa nhận. Về công ty T, L không dùng vũ lực đối với chị H. Văn L lái xe chứng kiến toàn bộ sự việc, biết mục đích của T, L đi tìm H, bật wifi theo yêu cầu của L để L kiểm tra việc bán hàng của chị H, không có lời nói không dùng vũ lực đối với chị H. Chính vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố các bị cáo về tội Cưỡng đoạt tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần đưa các bị cáo ra xét xử và áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đánh giá vai trò phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để cá thể hóa hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, tuy giữa các bị cáo không có sự phân công vai trò nhưng cùng chung và biết mục đích đi tìm chị H. T, L ép chị H lên xe. T có hành vi tát chị H 01 cái vào mặt. T, L chửi, truy vấn chị H về việc bán hàng gian lận lấy nguồn khách của công ty. Tại công ty vẫn tiếp tục truy vấn, khi chị H khai không nhớ app bán hàng thì T đã đe dọa dùng vũ lực đối với chị H "hôm nay mày không giải quyết xong, tao mới vả cho". Hành vi của T, L làm cho chị H sợ hãi phải theo T, L, Văn L về công ty để làm rõ việc bán hàng gian lận thế nào, khi chốt được số tiền lãi phải trả đã ép buộc chị H phải viết giấy xác nhận chuyển tiền để trả tiền cho T, L; L ép chị H phải gọi người nhà mang chứng minh thư của chị H đến Nhà thi đấu Ngô Thì Nhậm để đi rút tiền. Xác định T, L là người thực hiện hành vi tích cực nhưng T thực hiện hành vi tích cực hơn L. Văn L lái xe chở T, L đi tìm chị H, ở trên xe ô tô bật wifi theo yêu cầu của L để L kiểm tra việc bán hàng của chị H. Lái xe chở T, Hưng, chị H đi ra Nhà thi đấu Ngô Thì

Nhậm lấy chứng minh thư để đi rút tiền ở ngân hàng. Văn L không có lời nói, hành động gì đối với chị H. Xác định Văn L giữ vai trò giúp sức.

Các bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản. Người bị hại có một phần lỗi là đã nghỉ việc ở công ty rồi nhưng vẫn tự ý lấy nguồn khách hàng của công ty để bán hàng kiếm tiền riêng cho mình mà không được sự đồng ý của công ty. Chị H cũng thừa nhận có một phần lỗi (BL 179).

Về nhân thân: T nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội tham gia cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất; bị hại có một phần lỗi; đầu thú nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. L nhân thân tốt chưa tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; khi phạm tội đang mang thai, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị hại cũng có một phần lỗi; có ông nội tham gia cách mạng được tặng thưởng huy chương, huân chương; bị cáo là người dân tộc Mường; đầu thú nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Văn L nhân thân tốt chưa tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; có ông nội tham gia cách mạng được tặng thưởng huy chương, huân chương; bị hại có một phần lỗi; bị cáo là người dân tộc Mường nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Cả ba bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. T, Văn L có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, L có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cả ba bị cáo đủ điều kiện được áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt. Bị cáo T thực hiện hành vi tích cực nhất sau đó đến L, Văn L nên T phải chịu mức hình phạt cao hơn L, Văn L; L chịu mức hình phạt cao hơn Văn L.

Xét vai trò phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo thấy cần áp dụng mức hình phạt tù cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội một thời gian. T, L là vợ chồng cùng là bị cáo trong vụ án. L có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Văn L vai trò hạn chế, giúp sức, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. L, Văn L đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phạt tù giam

đối với hai bị cáo mà cho hai bị cáo L, Văn L được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng bảo đảm mục đích của hình phạt.

Theo khoản 5 Điều 170 của Bộ luật hình sự các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bằng tiền đối với cả ba bị cáo.

Các bị cáo T, L, Văn L có hành vi bắt giữ chị H nhưng xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của T, L, Văn L, thời gian bắt giữ, mục đích bắt giữ thấy hành vi bắt giữ là thủ đoạn của các bị cáo nhằm thực hiện mục đích để truy vấn chị H về việc bán hàng gian lận bắt chị H phải trả lại tiền nên thu hút các hành vi của T, L, Văn L vào tội Cưỡng đoạt tài sản và thấy không cần thiết phải truy cứu các bị cáo về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo Điều 157 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông không truy tố các bị cáo về tội Bắt, giữ người trái pháp luật theo Điều 157 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông nên ghi nhận. Người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên tòa không xét.

Đối với Nguyễn Văn H là người chứng kiến T, L, Văn L đưa chị H về trụ sở công ty; chứng kiến việc T, L ép chị H viết giấy xác nhận chuyển tiền, đi cùng T, Văn L đưa chị H ra Nhà thi đấu Ngô Thì Nhậm để lấy chứng minh thư nhưng Hưng không biết nội dung, bản chất sự việc, khi đi ra Nhà thi đấu Ngô Thì Nhậm thì Hưng cũng không biết L bảo đi đâu đi làm gì chỉ biết L bảo đi cùng T, không tham gia hành động chung mục đích với T, L, Văn L. Do đó, Hưng không đồng phạm với T, L, Văn L.

Về xử lý vật chứng:

Trả lại chị Đặng Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 3 Pro, số imei 862305030499099 là tài sản hợp pháp của chị H.

Về án phí: Các bị cáo T, L, Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo Lê Anh T, Bùi Thị L, Bùi Văn L phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Anh T 32 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2019 đến ngày 22/01/2020.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị L 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Tân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; giao bị cáo Bùi Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án.

2.Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo Lê Anh T, Bùi Thị L, Bùi Văn L đã bồi thường 5.000.000 đồng cho chị Đặng Thị H tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông theo biên lai số 0004094 ngày 10/6/2020.

3.Về xử lý vật chứng:

- Trả lại chị Đặng Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 3 Pro, số imei 862305030499099.

4. *Về án phí:* Mỗi bị cáo T, L, Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an, VKS, THA quận Hà Đông;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã (phường) nơi bị cáo cư trú.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Hạnh

T, L, Văn L nhận thức được pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi. T, L trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. T thực hiện hành vi tích cực hơn L. Văn L giữ vai trò giúp sức. T, L, Văn L đã thành khẩn khai báo ăn năn hồi cải; chưa tiền án tiền sự; đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; bị hại có một phần lỗi; bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho 3 bị cáo; gia đình các bị cáo đều tham gia cách mạng. L phạm tội khi đang mang thai, hiện đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. T, L, Văn L có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo Điều 54 của Bộ luật hình sự

Hành vi uy hiếp về mặt tinh thần khiến chị H sợ hãi, ép chị H phải viết giấy xác nhận chuyển tiền để trả cho T L 62.500.000 đồng của các bị cáo Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông đã truy tố các bị cáo về tội Cưỡng đoạt tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

- Đối với Nguyễn Anh T: Khi lên xe T tát ngay chị H 1 cái vào mặt vì nghĩ chị H chửi T trên mạng làm chị H sợ hãi. Chửi, truy vấn chị H về việc bán hàng. Khi về công ty khi chị H không nhớ app bán hàng kể kiểm tra thì T đe dọa sẽ dùng vũ lực đối với chị H "hôm nay mày không giải quyết xong tao mới vả cho", bắt ép chị H viết giấy nhận nợ số tiền lãi bán hàng 62.500.000 đồng. Nhân thân T chưa

có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có công cách mạng; bị hại có một phần lỗi; đầu thú về hành vi phạm tội nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Đối với Bùi Thị L: Khi gặp chị H ở ngõ 38 Phú La, L túm vai áo chị H kéo chị H lên xe; tự ý lấy điện thoại của chị H trong túi quần chị H để kiểm tra việc bán hàng; T L ngồi hai bên, chị H ngồi giữa khiến chị H truy vấn chị H về việc chị H bán hàng gian lận khiến chị H sợ hãi. Khi về công ty vẫn tiếp tục truy vấn chị H về việc bán hàng khiến chị H, bắt chị H phải viết giấy nhận nợ số tiền lãi bán hàng, bắt chị H gọi điện cho người nhà mang chứng minh thư ra Nhà thi đấu Ngô Thì Nhậm để đi rút tiền trả cho T L. Nhân thân chưa tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; khi phạm tội đang mang thai và đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; bị hại cũng có một phần lỗi; gia đình có công cách mạng; bị cáo là người dân tộc Mường nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Đối với Bùi Văn L: Văn L giữ vai trò giúp sức. Văn L lái xe chở T, L đi tìm chị H, ở trên xe ô tô bật wifi theo yêu cầu của L để L kiểm tra việc bán hàng của chị H. Lái xe chở T, Hưng, chị H đi ra Nhà thi đấu Ngô Thì Nhậm để lấy chứng minh thư để đi rút tiền ở ngân hàng trả cho T L. Văn L không có lời nói, hành động gì đối với chị H. Nhân thân Văn L chưa tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có công cách mạng; bị hại có một phần lỗi; bị cáo là người dân tộc Mường nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Nơi nhận:
- Công an quận Hà Đông;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát quận Hà Đông;
- Những người tham gia tố tụng;
- Trại tạm giam – Công an quận HĐ
- UBND xã (phường) thay thông báo kết quả xét xử;
- Lưu VP.

Trương Thị Hạnh